

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2021/DS-PT**

Ngày 23/4/2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chê Linh

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DSST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị K. O.**

Cư trú tại số 144 Lê A. X. (số cũ là 2/53A M. T.), phường A., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc M.

Địa chỉ: 2/53A M. T., phường A., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2017).

- Bị đơn: 1. Ông **Trần Văn T1**; cư trú tại số 30 Lý T. K., phường T., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị L.**; cư trú tại số 30 Lý T. K., phường T., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Bà **Trần Thị T. O.**; cư trú tại số 30 Lý T. K., phường T., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn T. T.; cư trú tại số 04A Đ. K., phường T., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T2; cư trú tại số 2/53A M. T., phường A., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần C. T..

Địa chỉ: 108 Trần H. Đ., quận H., Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần C. T.: Ông Nguyễn H. H. là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/8/2020).

3. Ủy ban nhân dân quận N.

Địa chỉ: 215 N. T., phường B., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Ủy ban nhân dân phường A.

Địa chỉ: số 177 Nguyễn Văn C., phường A., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K. O. là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong các đơn khởi kiện (phản tố) và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. O. trình bày:

Sau khi kết hôn với ông Trần Văn T2 vào ngày 12/10/1993, bà đã sống và làm dâu cho gia đình nhà chồng có mẹ chồng là bà Nguyễn Thị T3. tại địa chỉ 2/53A đường M. T., phường A., tp Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (nay là quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ). đến ngày 11/3/1997, nhà nước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T3. quyền sử dụng đất với diện tích là 7575m². Đến ngày 23/4/1998 bà Nguyễn Thị T3. đã chuyển nhượng QSDĐ cho hộ gia đình bà với diện tích đất là 2721,4m².

Từ năm 1998 đến năm 2007 chồng bà là ông Trần Văn T2 có hùn mở cửa hàng buôn bán thức ăn thủy sản với ông Trần Văn T1. Tuy nhiên, trong quá trình làm ăn thua lỗ nên vào năm 2003, ông T2 có tự ý chuyển nhượng cho:

1. Ông Trần Văn T1 thừa đất số 130, tờ bản đồ số 44 với diện tích đất là 146,8m².

2. Bà Nguyễn Thị L. thừa đất số 132, tờ bản đồ số 44 với diện tích đất là 264,2m².

3. Bà Trần Thị T. O. thừa đất số 131, tờ bản đồ số 44 với diện tích đất là 146,8m².

4. Ông Trần Văn T1 thừa đất số 133, tờ bản đồ số 44 với diện tích đất là 293,4m².

Trong suốt quá trình từ năm 1993 đến năm 2003 đặc biệt bà và chồng bà cùng canh tác, tu bổ chăm sóc diện tích đất là 2721,4m² nhưng đến năm 2003 do ông T2 hùn làm ăn với ông T1 thua lỗ nên đã tự ý chuyển nhượng đất. Việc sang nhượng giữa các bên hoàn toàn không hề thông qua bà cho đến năm 2015 khi bà nhận được giấy triệu tập của tòa án về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bốn hộ trên với hộ gia đình của bà.

Việc ông T2 – chồng bà làm đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và những thành viên trong hộ gia đình bà. Cũng kể từ khi nhận ra vụ việc trên thì những mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng bà đã xảy ra làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Sau nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng phía 04 hộ trên đều đồng loạt vắng mặt. việc làm trên đã ảnh hưởng rất lớn đến thời gian và công việc của bà. Do vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xem xét lại tính pháp lý của 04 hợp đồng chuyển nhượng của ông T2 cho các hộ: Trần Văn T1 (02 hợp đồng) , Trần Thị T. O. và Nguyễn Thị L., đề nghị hủy 04 hợp đồng CNQSDĐ và hủy 04 giấy CNQSDĐ đã cấp cho Trần Văn T1 (02 GCNQSDĐ) , Trần Thị T. O. và Nguyễn Thị L..

- Bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L., bà Trần Thị T. O. trình bày:

Vào ngày 29-9-2015 các ông bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. phải trả lại diện tích đất bị lấn chiếm có chiều ngang 2m chạy dài hết đất vì các ông bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận QSD đất của ông T1 (02 giấy), bà L., bà Anh có thể hiện đường đi công cộng 2m, tuy nhiên đường đi công cộng đã bị ông T2 xây dựng lấn chiếm nên phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phần đất lấn chiếm từ tiếp giáp đường Lê A. X. đến thửa 130.

Sau khi có kết quả đo đạc, thẩm định của Tòa án nên ngày 01/10/2019 các ông bà Trần Văn T1, Trần Thị T. O. và Nguyễn Thị L. đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T2 và bà Nguyễn Thị K. O..

Do việc rút yêu cầu khởi kiện nên các ông bà trở thành bị đơn theo đơn phản tố của bà Nguyễn Thị K. O. về việc: hủy 04 hợp đồng CNQSDĐ được ký giữa Trần Văn T2 với Trần Văn T1, Trần Thị T. O. , Nguyễn Thị L. và hủy 04 giấy CNQSDĐ đã cấp cho Trần Văn T1 (02 GCNQSDĐ) , Trần Thị T. O. và Nguyễn Thị L.. Các bị đơn không thống nhất ý kiến, bởi vì đất đã chuyển nhượng rất lâu, phía người chuyển nhượng là ông Trần Văn T2 và gia đình đã nhận đủ tiền và bên các ông bà đã nhận đất, xây dựng nhà ở ổn định từ lâu nay mà không có bất cứ tranh chấp nào từ phía bà O., mặc dù nhà bà O. và các ông

bà ở sát vách nhau. Đồng thời hiện nay các GCNQSDĐ của các ông bà đang được thế chấp ở Ngân hàng TMCP C. T. – Chi nhánh T. Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T2 trình bày:

Ông là người chuyển nhượng bán đất cho ông T1, tổng diện tích 850m² đất vườn, chiều ngang 10, chiều dài ông không xác định được. Sau đó ông T1 tách thành 04 thửa, ông T1 02 thửa, bà L., bà Anh mỗi người một thửa. Lúc bán cho ông T1, ông có chừa đường đi nội bộ để làm đường đi chung, nếu phía nguyên đơn có yêu cầu sử dụng đường đi 2,0m này thì phải đàm phán, thương lượng với ông. Phần đất nguyên đơn tranh chấp, các dãy nhà trọ do chị Trần Thị T. M. bỏ tiền ra xây dựng quản lý.

Phần đất còn lại diện tích 1882,50m² ông thế chấp cho Ngân hàng N.N. & P.T.N.T. Việt Nam để vay 2.000.000.000đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C.T. – Chi nhánh T.Đ. trình bày:

Hiện tại ông T1, bà O., bà L. đang thế chấp các quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD Đ số 03404.QSDĐ do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 18/12/2003 do bà Trần Thị T. O. đứng tên; giấy chứng nhận QSD Đ số 03405.QSDĐ do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 18/12/2003 do ông Trần Văn T1 đứng tên; giấy chứng nhận QSD Đ số 03406.QSDĐ do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 18/12/2003 do bà Nguyễn Thị L. đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L. theo Hợp đồng tín dụng số 16.6110501/2016-HĐTDHM/NHCT824 ngày 13/12/2016; Hợp đồng tín dụng số 16.6110502/2016-HĐTDHM/NHCT824 ngày 13/23/3/2017; Hợp đồng cho vay số 68.105.01/2017-HĐCV/NHCT824 ngày 16/5/2017.

Đến ngày 21/9/2018, dư nợ của bà Nguyễn Thị L. tiền gốc 4.000.000.000 đồng, phía bà L. trả lãi đầy đủ theo đúng hợp đồng.

Nếu Tòa án chấp nhận huỷ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà phía ông T1, bà O., bà L. đã thế chấp cho Ngân hàng thì phía Ngân hàng đề nghị ông T1, bà O., bà L. trả tất nợ cho Ngân hàng.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận N. có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A., quận Ninh Kiều vắng mặt nên không rõ ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DSST ngày 03 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. O. đối với các bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L., bà Trần Thị T. O. về việc huỷ các HĐCNQSDĐ:

-HĐCNQSDĐ ký giữa ông Trần Văn T2 và ông Trần Văn T1 ngày 29/8/2003, hợp đồng được UBND phường A. xác nhận ngày 11/9/2003 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 10/10/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

-HĐCNQSDĐ ký giữa ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. và ông Trần Văn T1 ngày 11/11/2002, hợp đồng được UBND phường A. xác nhận ngày 02/12/2002 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 27/6/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

-HĐCNQSDĐ ký giữa ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. và bà Nguyễn Thị L. ngày 11/11/2002, hợp đồng được UBND phường A. xác nhận ngày 02/12/2002 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 27/6/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

-HĐCNQSDĐ ký giữa ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. và bà Trần Thị T. O. ngày 11/11/2002, hợp đồng được UBND phường A. xác nhận ngày 02/12/2002 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 27/6/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

Và không chấp nhận yêu cầu hủy các GCNQSDĐ số: GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN QSDĐ số: 03405.QSDĐ; GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 03407.QSDĐ; GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 03406.QSDĐ; GCN QSDĐ số vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 03404.QSDĐ.

2.Đình chỉ yêu cầu của các bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L. và bà Trần Thị T. O. đối với bà Nguyễn Thị K. O., ông Trần Văn T2 về việc yêu cầu ông T2, bà O. trả lại diện tích đất bị lấn chiếm ngang 02m, dài 89m.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. O. phải chịu tổng án phí là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng). Bà O. đã tạm ứng án phí 400.000 đồng theo biên lai thu số 002772 ngày 29/8/2016 (200.000 đồng), số 002962 ngày 25/10/2016 (200.000 đồng) được chuyển thành án phí, nguyên đơn bà O. còn phải nộp tiếp 1.200.000 đồng án phí.

Bị đơn Trần Văn T1, Trần Thị T. O. và Nguyễn Thị L. được nhận lại 1.113.000 đồng (Một triệu một trăm mười ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004048 ngày 18-11-2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

-Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), các bị đơn phải chịu, các bị đơn đã nộp xong.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 04 tháng 02 năm 2021, nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ một cách đầy đủ nên đã tuyên một bản án không khách quan nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần trình bày yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu, cụ thể, nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Riêng về phần án phí, yêu cầu của nguyên đơn thuộc trường hợp chịu án phí không có giá ngạch nên việc tính án phí như cấp sơ thẩm là chưa chính xác, đề nghị sửa án về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp về quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[2] Qua xem xét lại quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thấy rằng, về trình tự thủ tục tố tụng, thẩm quyền, các hoạt động tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ và tiến hành chặt chẽ. Do vậy, trong đơn kháng cáo, người khởi kiện yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[3] Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện tại các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các bị đơn đã được chứng thực cũng thuộc trường hợp không phải chứng minh. Điều này có nghĩa về mặt pháp lý, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có thật.

[4] Theo Án lệ số 04/2016/AL thì trường hợp nhà đất là tài sản chung của vợ chồng mà chỉ có một người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất đó cho người khác, người còn lại không ký tên trong hợp đồng; nếu có đủ căn cứ xác định bên chuyển nhượng đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận, người không ký tên trong hợp đồng biết và cùng sử dụng tiền chuyển nhượng nhà đất; bên nhận chuyển nhượng nhà đất đã nhận và quản lý, sử dụng nhà đất đó công khai; người không ký tên trong hợp đồng biết mà không có ý kiến phản đối gì thì phải xác định người đó đồng ý với việc chuyển nhượng nhà đất. Trong trường hợp này, sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các bên không tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán, bị đơn đã xây dựng công trình trên đất. Bà O. là người làm dâu trong gia đình nên không thể không biết việc xây dựng đó. Chính vì vậy, mặc dù bà O. cho rằng bà không ký tên chuyển nhượng nhưng phải xác định về mặt ý thức thì bà đồng ý với việc chuyển nhượng đất. Do đó, bà O. yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà để hủy các hợp đồng chuyển nhượng và các giấy chứng nhận đã cấp đối với các bị đơn là không có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 48, điểm a khoản 3 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chịu án phí không có giá ngạch nên điều chỉnh nghĩa vụ chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, điều chỉnh về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. O. đối với các bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L., bà Trần Thị T. O. về việc hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Trần Văn T2 và ông Trần Văn T1 ngày 29/8/2003, được UBND phường A. xác nhận ngày 11/9/2003 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 10/10/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. và ông Trần Văn T1 ngày 11/11/2002, được UBND phường A. xác nhận ngày 02/12/2002 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 27/6/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. và bà Nguyễn Thị L. ngày 11/11/2002, được UBND phường A. xác nhận ngày 02/12/2002 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 27/6/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. và bà Trần Thị T. O. ngày 11/11/2002, được UBND phường A. xác nhận ngày 02/12/2002 và xác nhận kết quả thẩm tra ngày 27/6/2003 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03404.QSĐĐ do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/12/2003, do bà Trần Thị T. O. đứng tên;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ vào sổ 03405.QSĐĐ do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/12/2003, do ông Trần Văn T1 đứng tên;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03406.QSĐĐ do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/12/2003, do bà Nguyễn Thị L. đứng tên;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03407.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/12/2003, do ông Trần Văn T1 đứng tên.

3.Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L. và bà Trần Thị T. O. về việc yêu cầu ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị K. O. trả lại diện tích đất bị lấn chiếm ngang 02m, dài 89m.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002772 ngày 29/8/2016 (200.000 đồng) và biên lai thu số 002962 ngày 25/10/2016 (200.000 đồng), nguyên đơn được nhận lại 100.000 đồng.

Bị đơn Trần Văn T1, Trần Thị T. O. và Nguyễn Thị L. được nhận lại 1.113.000 đồng (Một triệu một trăm mười ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004048 ngày 18/11/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

-Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), các bị đơn phải chịu, các bị đơn đã nộp xong.

5.Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 003668 ngày 05/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí, coi như nguyên đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Chế Linh